

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



LÊ THỊ THU THỦY

CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH
THEO LUẬT ĐẦU TƯ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TỈNH
QUẢNG BÌNH

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2018

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Hà Thị Mai Hiên**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp
tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
5. Phương pháp nghiên cứu	4
6. Kết cấu của luận văn.....	5
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH THEO LUẬT ĐẦU TƯ VIỆT NAM	6
1.1. Những vấn đề lý luận về các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư Việt Nam	6
1.1.1. Khái niệm và đặc điểm các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư	6
1.1.1.1. Một số khái niệm.....	6
1.1.1.2. Nội dung các biện pháp khuyến khích đầu tư.....	6
1.1.2. Phân loại các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư.....	6
1.1.2.1. Các ưu đãi về tài chính	6
1.1.2.2. Ưu đãi về chính sách sử dụng đất, mặt nước, mặt biển	7
1.1.2.3. Các biện pháp hỗ trợ về thủ tục hành chính.....	7
1.1.2.4. Các biện pháp ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích đầu tư khác	7
1.1.3. Vai trò của các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư	8
1.1.3.1. Vai trò đối với doanh nghiệp.....	8
1.1.3.2. Vai trò đối với nhà nước.....	8
1.1.3.3. Vai trò đối với nền kinh tế.....	8
1.2. Những nội dung pháp luật về các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư.....	8
1.2.1. Đối tượng điều chỉnh, nguyên tắc điều chỉnh và giới hạn can thiệp bằng pháp luật của các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư đối với hoạt động đầu tư	8
1.2.1.1. Đối tượng được hưởng các biện pháp ưu đãi theo Luật đầu tư ..	8
1.2.1.2. Nguyên tắc điều chỉnh của các biện pháp khuyến khích theo Luật đầu tư	8
1.2.1.3. Chính sách khuyến khích đầu tư	9
1.2.2. Nội dung pháp luật các biện pháp ưu đãi, khuyến khích theo Luật đầu tư	10
1.2.2.1. Các quy định về các ngành nghề ưu đãi theo Luật Đầu tư	10
1.2.2.2. Các quy định về địa bàn khuyến khích theo Luật Đầu tư.....	10

1.2.2.3. Các quy định về hình thức và đối tượng áp dụng ưu đãi theo luật đầu tư	10
1.2.3. Các biện pháp khuyến khích khác theo luật đầu tư	10
1.3. Yếu tố liên quan trong khuyến khích đầu tư.....	11
1.3.1. Yếu tố kinh tế vĩ mô.....	11
1.3.1.1. Chiến lược thu hút vốn để phát triển kinh tế – xã hội của quốc gia	11
1.3.1.2. Độ mở cửa kinh tế quốc tế của quốc gia tiếp nhận.....	11
1.3.1.3. Sự ổn định môi trường kinh tế vĩ mô.....	11
1.3.1.4. Hệ thống pháp luật của nước tiếp nhận vốn đầu tư	11
1.3.2. Nhân tố nội tại của địa phương tiếp nhận vốn đầu tư.....	11
1.3.2.1. Sự phát triển cơ sở hạ tầng tại địa phương	11
1.3.2.2. Lợi thế so sánh của địa phương	11
1.3.2.3. Chất lượng nguồn nhân lực tại địa phương	11
1.3.2.4 Thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư tại địa phương	12
1.3.2.5. Năng lực và tư tưởng nhận thức của lãnh đạo, hoạt động của cơ quan xúc tiến tại địa phương	12
1.3.3. Nhân tố liên quan đến các nhà đầu tư nước ngoài.....	12
1.3.3.1 Môi trường kinh tế thế giới	12
1.3.3.2 Hướng dịch chuyển của dòng vốn đầu tư quốc tế	12
1.3.3.3 Chiến lược đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài.....	12
1.3.3.4 Tiềm lực tài chính, năng lực kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài.	12
1.4. Pháp luật về các biện pháp khuyến khích Đầu tư tại một số nước trong khu vực Đông Nam Á.....	12
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH THEO LUẬT ĐẦU TƯ QUA THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH	13
2.1. Thực trạng pháp luật về các biện pháp khuyến khích Đầu tư tại Việt Nam	13
2.2. Thực tiễn tại tỉnh Quảng Bình.....	15
2.2.1. Khái quát về tình hình kinh tế tỉnh Quảng Bình.....	15
2.2.2. Thực tiễn các biện pháp khuyến khích và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh	15
2.2.3. Những kết quả đạt được và các khó khăn, vướng mắc, hạn chế chủ yếu trong thực hiện các biện pháp khuyến khích đầu tư trong hoạt động đầu tư	17
Kết luận chương 2	20

Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ THEO LUẬT ĐẦU TƯ VIỆT NAM	21
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật các biện pháp khuyến khích Đầu tư	21
3.1.1. Việc hoàn thiện pháp luật về các biện pháp khuyến khích Đầu tư nhằm bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư	21
3.1.2. Việc hoàn thiện pháp luật về các biện pháp khuyến khích Đầu tư trong hoạt động đầu tư nhằm kích cầu sự phát triển nền kinh tế	21
3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và thực thi pháp luật về các biện pháp khuyến khích theo luật đầu tư.....	21
3.2.1. Hoàn thiện các quy định về các biện pháp khuyến khích Đầu tư	21
3.2.2. Hoàn thiện một số chính sách để thực hiện các biện pháp khuyến khích đầu tư	21
3.3. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và thực thi pháp luật về các biện pháp khuyến khích theo luật đầu tư đối với tỉnh Quảng Bình	22
3.3.1. Giải pháp nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư.....	22
3.3.2. Giải pháp nâng cao năng lực của cơ quan và cán bộ thực thi pháp luật ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư.....	22
3.3.3. Giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh	23
Kết luận chương 3.....	24
KẾT LUẬN CHUNG.....	25

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đối với một nền kinh tế, hoạt động đầu tư có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nó không chỉ đóng vai trò trong quá trình tái sản xuất của xã hội mà còn tạo ra những cú hích cho sự phát triển của nền kinh tế ở những nước đang phát triển thoát khỏi vòng luẩn quẩn của nợ nần và nghèo đói, tạo ra sự phát triển của các nền kinh tế phát triển. Kinh nghiệm của các nước trên thế giới cho thấy con đường tắt yếu có thể tăng trưởng nhanh tốc độ mong muốn (từ 9-10%) là tăng trưởng đầu tư nhằm tạo ra sự phát triển ở khu vực công nghiệp và dịch vụ. Đối với các ngành nông, lâm, ngư nghiệp do những hạn chế về đất đai và các khả năng sinh học, để đạt được tốc độ tăng trưởng từ 5-6% là rất khó khăn. Chính đầu tư quyết định quá trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế ở các nước nhằm đạt được tốc độ tăng trưởng nhanh của toàn bộ nền kinh tế. Đầu tư có tác dụng giải quyết những mất cân đối về phát triển giữa các vùng lãnh thổ, đưa những vùng kém phát triển thoát khỏi tình trạng đói nghèo, phát huy tối đa những lợi thế so sánh về tài nguyên, địa thế, kinh tế, chính trị... những vùng có khả năng phát triển nhanh hơn, làm bàn đạp thúc đẩy những vùng khác cùng phát triển. Ở nước ta, đầu tư là điều kiện tiên quyết của sự phát triển và tăng cường khả năng công nghệ. Theo đánh giá của các chuyên gia công nghệ, trình độ công nghệ của Việt Nam lạc hậu nhiều thế hệ so với thế giới và khu vực. Theo UNIDO, nếu chia quá trình phát triển công nghệ thế giới thành 7 giai đoạn thì Việt Nam đang là một trong 90 nước kém nhất về công nghệ. Với trình độ công nghệ lạc hậu này, quá trình công nghiệp hoá của Việt Nam sẽ gặp rất nhiều khó khăn nếu không đề ra được một chiến lược đầu tư phát triển công nghệ nhanh và vững chắc. Để hoạt động đầu tư diễn ra có hiệu quả và kích cầu nền kinh tế quốc gia, cần thiết phải có những biện pháp khuyến khích đầu tư phù hợp để kích thích, thu hút đầu tư vào Việt Nam, những biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư được nhà nước quy định vì mục tiêu phát triển đó. Dưới góc độ pháp lý, khuyến khích đầu tư được coi là một trong những biện pháp thu hút vốn đầu tư có hiệu quả. Đặc biệt là trong bối cảnh các quốc gia trên thế giới đều có điểm chung là cần vốn đầu tư như cần một yếu tố thiết yếu giúp nền kinh tế có thể tồn tại và phát triển nên khuyến khích đầu tư càng trở nên không thể thiếu. Nhận thức được tầm quan trọng đó, hầu hết các quốc gia trên thế giới đã ban hành các văn bản pháp luật điều chỉnh vấn đề khuyến khích đầu tư như là thứ công cụ hữu ích và phù hợp với thông lệ quốc tế trong việc tạo lập môi trường đầu tư có sức cạnh tranh lớn trong lĩnh vực thu hút đầu tư. Việc thu hút đầu tư đang trở thành mối quan tâm hàng đầu của nhiều nước nhằm hỗ trợ và phát huy lợi thế mỗi quốc gia trong công cuộc phát triển kinh tế đất nước. Tính hấp dẫn của một quốc gia về lĩnh vực đầu tư trước hết thể hiện ở luật pháp. Đối với mọi quốc gia, Luật Đầu tư là một bằng chứng cụ thể của sự mở cửa và là cái mà tất cả nhà đầu tư quan tâm. Nhà nước với vai trò thiết kế và quản lý mọi mặt đời sống xã hội đã sử dụng pháp luật – một công cụ rất hữu hiệu để thống nhất và định hướng hoạt động đầu tư. Hoàn thiện pháp luật, tạo môi trường đầu tư có sức hút mạnh mẽ là mối quan tâm của mọi quốc gia. Tuy nhiên, pháp luật dù hoàn thiện như thế nào đi nữa mà không được

thực hiện có hiệu quả thì không thể đem lại những gì tốt đẹp mà chủ thể ban hành mong muốn, không đem lại lợi ích cho xã hội, thậm chí là ngược lại. Thực hiện pháp luật là sự tiếp nối xây dựng pháp luật, là quá trình hiện thực hoá pháp luật, làm bộc lộ và phát huy những giá trị tiềm năng của pháp luật trong thực tế, là thực tiễn sinh động kiểm nghiệm chất lượng xây dựng pháp luật. Vì vậy, bên cạnh việc hoàn thiện pháp luật, Nhà nước luôn quan tâm đến vấn đề thực hiện pháp luật trong đó có thực hiện pháp luật khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài. Thực tiễn những năm qua cho thấy, việc thực hiện pháp luật khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng kể. Các biện pháp khuyến khích đầu tư về thuế đặc biệt là theo ngành và lĩnh vực đã bước đầu phát huy tốt hiệu quả định hướng đầu tư. Các chính sách ưu đãi hướng về xuất khẩu nhìn chung đã phát huy tác dụng tốt, góp phần quan trọng trong việc nâng tổng kim ngạch xuất khẩu, các dự án sản xuất kinh doanh, kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh chóng qua các thời kỳ. Vấn đề bảo vệ môi trường cũng được các doanh nghiệp quan tâm; thủ tục đầu tư đã và đang tiếp tục được thực hiện theo hướng chuyển dần sang cơ chế một cửa, mở rộng phân cấp, uỷ quyền cấp phép đầu tư. Nhờ đó, các thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục triển khai sau giấy phép đã được đơn giản hơn, nhiều vướng mắc của doanh nghiệp đã được phát hiện và xử lý kịp thời, môi trường đầu tư và kinh doanh được cải thiện từng bước. Nhìn chung, các cơ quan quản lý đầu tư đã thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với đầu tư. Trong chỉ đạo và điều hành đã kịp thời ban hành các chính sách thích hợp theo quy định chung, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động. So với các năm đầu tiên thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, các cơ quan quản lý, cấp phép địa phương đến nay đã có những bước tiến đáng kể trong hoàn thiện và nâng cao năng lực quản lý nhà nước của mình. Để nghiên cứu sâu hơn vấn đề này, tác giả chọn đề tài: **“Các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Quảng Bình”** để làm đề tài nghiên cứu luận văn thạc sĩ luật kinh tế của mình nhằm làm rõ và đề xuất một số phương hướng, giải pháp hoàn thiện các biện pháp này trong thời gian đến.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Đề tài khoa học cấp Bộ: Nghiên cứu điều chỉnh chính sách đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam đến năm 2020, TS. Nguyễn Thị Tuệ Anh, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương. Làm rõ cơ sở lý luận của việc điều chỉnh chính sách; Đánh giá thực trạng và hiệu quả đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt nam từ năm 1988 đến 2014; Đánh giá thực trạng chính sách đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt nam, phân tích đánh giá nội dung các chính sách thu hút, sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; Dự báo triển vọng đầu tư trực tiếp nước ngoài; Đề xuất các quan điểm, định hướng và giải pháp điều chỉnh nội dung chính sách đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Đề tài khoa học cấp Viện: Đánh giá cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam đầu tư đổi mới công nghệ: Bằng chứng từ điều tra doanh nghiệp 2000-2011, ThS. Hoàng Văn Cương, Nghiên cứu viên - Ban Chính sách Dịch vụ công, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương. Đề tài xem xét các chính sách

tác động tới việc huy động các nguồn vốn như vốn đầu tư của nhà nước, vốn tín dụng, nguồn vốn của các doanh nghiệp, nguồn vốn đầu tư mạo hiểm, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, v.v. để đổi mới công nghệ. Khi phân tích sẽ đưa ra dẫn chứng kết quả hoạt động đầu tư đổi mới công nghệ hàng năm cho từng loại hình, khu vực danh nghiệp để đánh giá. Qua đó có thể phát hiện những yếu tố cản trở về mặt chính sách và cơ chế triển khai, thực hiện.

Công trình nghiên cứu: Pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư nước ngoài của một số nước ASEAN và gợi mở cho Việt Nam, Tạp chí Công thương, ngày 22/01/2018, Nguyễn Thị Hưng - Phạm Thị Hiền - Nguyễn Thị Thùy Linh, Viện Nhà nước và Pháp luật. Đề cập tới pháp luật về ưu đãi hỗ trợ đầu tư nước ngoài của một số nước Asean, qua đó rút ra những kinh nghiệm pháp luật có thể áp dụng trong thu hút đầu tư ở Việt Nam.

Báo cáo của Chuyên gia Quốc tế và Chuyên gia Việt Nam về hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư 2014. Công trình đã tổng hợp các ý kiến của các chuyên gia trong nước và quốc tế về hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư. Tuy nhiên, những ý kiến này chỉ dừng lại ở việc nêu ra những nội dung của Luật đầu tư cần chủ yếu cho việc ban hành Nghị định hướng dẫn thi hành Luật đầu tư mà thôi. Công trình chưa quan tâm sâu sắc đến việc đưa ra các giải pháp để hiện thực hoá các quy định đó.

Báo cáo các tác động của chính sách ưu đãi thuế và tình trạng tránh thuế của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam do ActionAid Việt Nam & Hiệp hội Tư vấn Thuế Việt Nam thực hiện năm 2015. Nhằm nhìn lại những tác động của tình trạng ưu đãi thuế và tình trạng tránh thuế của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam, thông qua đó đưa ra các đề nghị liên quan đến lĩnh vực này.

Báo cáo tổng kết 25 năm đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2013 đưa những số liệu thống kê, tổng kết về lĩnh vực đầu tư của nước ngoài tại Việt Nam, trong đó đề cập đến hiệu quả của việc thực hiện đảm bảo các biện pháp khuyến khích đầu tư và nên lên một số bất cập để kiến nghị ban hành chính sách hoàn thiện.

Báo cáo nghiên cứu về pháp luật đầu tư một số nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2014 nghiên cứu tổng quan pháp luật đầu tư của một số nước trên thế giới, trong đó có các biện pháp bảo đảm khuyến khích đầu tư nhằm hỗ trợ cho vấn đề nghiên cứu và hoàn thiện chính sách pháp luật ở Việt Nam.

Bài viết: Thu hút đầu tư nước ngoài tại Thái Lan, Malaysia và kinh nghiệm cho Việt Nam, ThS. Vũ Quốc Huy - Phó Vụ trưởng Vụ Quản lý các Khu kinh tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đăng trên www.khucongnghiep.com.vn, thông qua thực tiễn đề xuất thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm bảo đảm khuyến khích đầu tư nhằm thu hút đầu tư, trong đó việc nghiên cứu, so sánh chính sách FDI của các quốc gia có những điều kiện, trình độ tương đồng với Việt Nam.

Bài viết: Khuyến khích đầu tư của doanh nghiệp - Con đường phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn, Tạp chí Cộng Sản, ngày 11/05/2017, của tác giả Diệu Oanh, đề cập đến sự tất yếu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm khuyến khích đầu tư trong các lĩnh vực kinh tế.

Bài viết: Kinh nghiệm quốc tế về chính sách ưu đãi và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư công nghệ thân thiện với môi trường, ThS. Nguyễn Thị Thùy Trang, ThS. Nguyễn Thị Hoàng Yến - Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - xã hội quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đề cập đến kinh nghiệm một số nước trên thế giới về bảo đảm khuyến khích đầu tư và các chính sách ưu đãi đầu tư trong một số lĩnh vực kinh tế.

Như vậy, các công trình nghiên cứu nêu trên đã tiếp cận vấn đề thực hiện pháp luật khuyến khích đầu tư theo luật đầu tư ở những phạm vi và mức độ khác nhau, tuy nhiên một số đề tài số liệu đã cũ và cho đến nay chưa có một công trình nào đi sâu vào nghiên cứu một cách có hệ thống, đồng bộ, gắn với việc khảo sát thực tiễn vấn đề các biện pháp khuyến khích theo luật đầu tư.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

Mục đích nghiên cứu của Luận văn là nhằm làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về Các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Quảng Bình; trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Để đạt được mục đích nêu trên, nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn là xây dựng được khái niệm về các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư và chỉ ra những đặc điểm mang tính bản chất của các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư; phân loại được các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư và vai trò của các biện pháp đó đối với hoạt động đầu tư; phân tích và làm rõ cơ chế điều chỉnh pháp luật đối với các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư cũng như các yếu tố tác động, chi phối đến việc thực hiện các biện pháp đó; đánh giá thực trạng pháp luật về thực hiện các biện pháp khuyến khích theo luật đầu tư ở Việt Nam qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Bình và đề xuất được những phương hướng, đề xuất và giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là các quy định pháp luật về các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Bình, các quan điểm khoa học, lý thuyết về các biện pháp khuyến khích đầu tư và vai trò của nó trong hoạt động đầu tư.

Phạm vi nghiên cứu là các quy định về các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư và liên quan đến các hoạt động đầu tư có áp dụng các biện pháp khuyến khích này. Về không gian và thời gian: Luận văn tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật về các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Bình từ năm 2007 đến nay, trên cơ sở đó nhằm đưa ra những giải pháp để hoàn thiện pháp luật về các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư cho thời gian tới.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện dựa trên cơ sở phối hợp các phương pháp nghiên cứu có tính phổ quát trong khoa học xã hội và nhân văn như: so sánh, thống kê, tổng hợp. Tác giả thực hiện phân tích các quy định pháp luật về quyền của công đoàn, so sánh các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư Việt Nam, thống kê tổng hợp

các bài viết và ý kiến liên quan đến pháp luật về các biện pháp khuyến khích Đầu tư nhằm làm rõ hơn những thành tựu đạt được cũng như những bất cập, hạn chế về việc thực hiện các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư trong thực tiễn. Từ đó có thể đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện hơn pháp luật về các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư trong hoạt động đầu tư.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn có kết cấu gồm 3 chương như sau:

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH THEO LUẬT ĐẦU TƯ VIỆT NAM.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH THEO LUẬT ĐẦU TƯ QUA THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH.

CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ THEO LUẬT ĐẦU TƯ VIỆT NAM.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH THEO LUẬT ĐẦU TƯ VIỆT NAM

1.1. Những vấn đề lý luận về các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư Việt Nam

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư

1.1.1.1. Một số khái niệm

Dưới góc độ pháp lý, *khuyến khích đầu tư* được coi là một trong những biện pháp thu hút vốn đầu tư có hiệu quả. Đặc biệt là trong bối cảnh các quốc gia trên thế giới đều có điểm chung là cần vốn đầy đủ như cần một yếu tố thiết yếu giúp nền kinh tế có thể tồn tại và phát triển nên khuyến khích đầu tư càng trở nên không thể thiếu. Nhận thức được tầm quan trọng đó, hầu hết các quốc gia trên thế giới đã ban hành các văn bản pháp luật điều chỉnh vấn đề khuyến khích đầu tư như là thứ công cụ hữu ích và phù hợp với thông lệ quốc tế trong việc tạo lập môi trường đầu tư có sức cạnh tranh lớn trong lĩnh vực thu hút đầu tư.

Các biện pháp khuyến khích đầu tư được hiểu là tất cả những quy định do nhà nước ban hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi hoặc tạo ra những lợi ích nhất định cho các nhà đầu tư trong nước cũng như nước ngoài khi tiến hành đầu tư vào nền kinh tế, trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa lợi ích của nhà nước, của nền kinh tế - xã hội và của các nhà đầu tư.

1.1.1.2. Nội dung các biện pháp khuyến khích đầu tư

Theo tinh thần của Luật đầu tư 2014, các biện pháp khuyến khích đầu tư có thể bao gồm các biện pháp ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư. Trong đó, các biện pháp ưu đãi đầu tư gồm ưu đãi về thuế và ưu đãi khác về tài chính. Mục tiêu chính của các ưu đãi thuế là nhằm giảm bớt gánh nặng về thuế thực sự và nâng cao tỷ lệ thu hồi vốn đối với đầu tư mà đáng kể là quy định miễn một phần hoặc toàn bộ Thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường. Các ưu đãi về thuế khác là việc miễn thuế nhập khẩu, hoàn thuế nhập khẩu, khấu hao nhanh, các khoản khấu trừ cụ thể, giảm thuế đối với đầu tư và tái đầu tư và các khoản khấu trừ đối với đóng góp an ninh xã hội. Các ưu đãi khác về tài chính bao gồm việc cung cấp vốn cho các công ty để tài trợ cho các dự án đầu tư mới hoặc thanh toán vốn và các chi phí hoạt động, chuyển lỗ trong kinh doanh, khấu hao tài sản, ưu đãi về sử dụng đất... Hỗ trợ đầu tư là những biện pháp tích cực chủ động về phía nhà nước nhằm giúp đỡ các nhà đầu tư, các doanh nghiệp. Các biện pháp này thường được áp dụng trong trường hợp xảy ra những khó khăn, những bất lợi, những rủi ro đối với nhà đầu tư trong những dự án, những lĩnh vực, những địa bàn mà Chính phủ khuyến khích đầu tư. Các biện pháp này bao gồm cơ sở hạ tầng được bao cấp, các dịch vụ được bao cấp, hỗ trợ về thủ tục hành chính, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ thông tin...

1.1.2. Phân loại các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư

1.1.2.1. Các ưu đãi về tài chính

* Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo quy định tại Điều 13 Luật thuế

thu nhập doanh nghiệp, nếu các chủ đầu tư tiến hành đầu tư vào các địa bàn, lĩnh vực khuyến khích đầu tư (Điều 16 Luật Đầu tư năm 2014) thì sẽ được hưởng những ưu đãi về thuế. Nghị định số 164/2003/NĐ- CP quy định chi tiết Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 152/2004/NĐ- CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 164, quy định một số ưu đãi cụ thể về thuế thu nhập doanh nghiệp.

* Ưu đãi về thuế xuất nhập khẩu: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2005, nhà đầu tư được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa bao gồm các thiết bị, máy móc, vật tư, phương tiện vận tải và hàng hóa khác để thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam.

* Ưu đãi về thuế giá trị gia tăng: Nhà nước Việt Nam chủ trương miễn thuế giá trị gia tăng đối với một số hàng hóa, hoạt động phục vụ đầu tư nhất định, như máy móc, thiết bị chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được; hoạt động chuyển giao công nghệ. Bên cạnh đó, đối với một số hàng hóa liên quan trực tiếp đến đầu tư như hàng hóa xuất khẩu cũng được xem xét miễn thuế hoặc chỉ áp dụng mức thuế suất bằng 0%.

* Một số ưu đãi tài chính khác: Ngoài các ưu đãi kể trên, nhà đầu tư còn được hưởng các ưu đãi về thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, các ưu đãi liên quan đến vấn đề về chuyển lỗ kinh doanh, khấu hao tài sản.

1.1.2.2. Ưu đãi về chính sách sử dụng đất, mặt nước, mặt biển

Nhà đầu tư đầu tư vào các dự án thuộc các lĩnh vực khuyến khích đầu tư hoặc đầu tư vào địa bàn được khuyến khích đầu tư sẽ được hưởng một số ưu đãi liên quan đến việc sử dụng đất như: Giá thuê đất, thời hạn thuê đất theo quy định tại Quyết định số 53/1999/QĐ – TTg ngày 26/3/1999 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 81/1999/TT- BTC của Bộ Tài chính. Đối với việc sử dụng mặt nước, mặt biển, Chính phủ Việt Nam cũng ban hành những khung giá tương đối ổn định và có những ưu đãi cụ thể, đặc biệt là với những dự án thuộc đối tượng đặc biệt khuyến khích đầu tư hoặc khuyến khích đầu tư.

1.1.2.3. Các biện pháp hỗ trợ về thủ tục hành chính

Chính phủ Việt Nam đã và đang thay đổi những quy định liên quan đến đầu tư, kinh doanh mà theo đó sẽ tạo môi trường đầu tư thông thoáng hơn, đặc biệt là giảm bớt các rào cản về hành chính tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào Việt Nam.

Thứ nhất, tạo ra đầu mối duy nhất để các nhà đầu tư nước ngoài có thể liên hệ để xin cấp phép đầu tư.

Thứ hai, từng bước thực hiện việc rút ngắn thời gian cấp phép đầu tư cho các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Thứ ba, cải thiện cách thức đăng kí cấp phép đầu tư để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Thứ tư, Chính phủ đã thành lập Cục đầu tư trực tiếp nước ngoài với cơ cấu gồm 3 trung tâm xúc tiến đầu tư tại 3 tỉnh Bắc, Trung, Nam.

1.1.2.4. Các biện pháp ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích đầu tư khác

Ngoài việc bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho các nhà đầu tư, khuyến khích đầu tư, Luật đầu tư còn quy định về hỗ trợ đầu tư. Đây cũng được coi như là biện pháp

khuyến khích đầu tư mà nhà nước Việt Nam quy định cho các nhà đầu tư. Theo quy định của Luật đầu tư, việc hỗ trợ đầu tư bao gồm các biện pháp:

- Hỗ trợ chuyên giao công nghệ.
- Hỗ trợ đào tạo
- Hỗ trợ và khuyến khích phát triển dịch vụ đầu tư

1.1.3. Vai trò của các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư

1.1.3.1. Vai trò đối với doanh nghiệp

Thu hút vốn đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài: Đây là mục đích lớn nhất của bất cứ quốc gia nào khi đặt ra những ưu đãi đầu tư. Không chỉ dừng lại ở việc khuyến khích các nhà đầu tư trong nước đầu tư vào các loại hình doanh nghiệp, nhà nước Việt Nam còn nhấn mạnh chủ trương khuyến khích các nhà đầu tư đầu tư vốn vào những địa bàn, lĩnh vực, ngành nghề trọng điểm, phù hợp với hướng phát triển của cả nền kinh tế, hướng phát triển của doanh nghiệp. Đối với dòng vốn đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài, việc đưa ra các biện pháp khuyến khích đầu tư có ý nghĩa như một trong những động thái nhằm góp phần cải thiện môi trường đầu tư, tạo ra sức hấp dẫn cho môi trường đầu tư và doanh nghiệp là đối tượng hưởng lợi trực tiếp.

1.1.3.2. Vai trò đối với nhà nước

Nhà nước chủ động cơ cấu lại nền kinh tế thông qua việc ban hành và áp dụng các biện pháp khuyến khích đầu tư: Thông qua cách thức quy định các lĩnh vực, địa bàn nào cần khuyến khích đầu tư, nhà nước có thể chủ động cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng chủ quan của mình.

1.1.3.3. Vai trò đối với nền kinh tế

Tạo ra sự đồng bộ của hệ thống pháp luật đầu tư, phù hợp với thông lệ quốc tế: Trong những cố gắng để có thể hòa nhập được với nền kinh tế thế giới và khu vực, hoàn thiện hệ thống pháp luật đầu tư cũng là một đóng góp không nhỏ.

1.2. Những nội dung pháp luật về các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư

1.2.1. Đối tượng điều chỉnh, nguyên tắc điều chỉnh và giới hạn can thiệp bằng pháp luật của các biện pháp khuyến khích theo Luật Đầu tư đối với hoạt động đầu tư

1.2.1.1. Đối tượng được hưởng các biện pháp ưu đãi theo Luật đầu tư

Theo quy định của Luật Đầu tư năm 2014, đối tượng điều chỉnh của các biện pháp khuyến khích đầu tư bao gồm các các ngành nghề thuộc dự án ưu đãi đầu tư, thực hiện dự án đầu tư tại địa bàn ưu đãi đầu tư và hình thức ưu đãi đầu tư theo luật đầu tư.

Bao gồm các hoạt động liên quan đến công nghệ cao, sản xuất vật liệu, năng lượng sạch, sản xuất các sản phẩm điện tử, sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin, nuôi trồng chế biến nông lâm thủy sản, thu gom chế tạo chất thải, các ngành nghề liên quan đến giáo dục, khám chữa bệnh, sản xuất thuốc, đầu tư kinh doanh cơ sở luyện tập thể dục, thể thao, chăm sóc người già, người khuyết tật, đầu tư kinh doanh cơ sở bảo vệ di sản văn hóa....

1.2.1.2. Nguyên tắc điều chỉnh của các biện pháp khuyến khích theo Luật đầu tư

Nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa của việc xác định giới hạn can thiệp hợp lý từ phía Nhà nước đối với hoạt động khuyến khích đầu tư nói riêng trong bối cảnh nền kinh tế hiện đại, muốn xác định được ranh giới này cần phải quán triệt và tuân thủ những nguyên tắc cơ bản:

Nguyên tắc thứ nhất: Nhà nước chỉ can thiệp ở tầm vĩ mô và bằng các biện pháp vĩ mô đối với hoạt động kinh tế nói chung và khuyến khích đầu tư nói riêng; còn những hoạt động mang tính vi mô, vốn dĩ là công việc của các chủ thể kinh tế (ở đây ngụ ý các doanh nghiệp) thì để cho họ tự quyết định và tự chịu trách nhiệm, nhất là trách nhiệm kinh tế theo sự dẫn dắt của các quy luật thị trường.

Nguyên tắc thứ hai: Nhà nước thực hiện các hành vi can thiệp vào hoạt động kinh tế, trong đó có hoạt động khuyến khích đầu tư, phải xuất phát từ hoàn cảnh đặc thù của Việt Nam, có tính đến yêu cầu hội nhập quốc tế trong giai đoạn đương đại. Mọi hành vi sao chép một cách máy móc các mô hình quản lý của nước ngoài mà không tính đến hoàn cảnh và điều kiện đặc thù của Việt Nam sẽ là không thích hợp và thậm chí còn có thể gây ra những hậu quả vô cùng bất lợi cho nền kinh tế và xã hội.

Nguyên tắc thứ ba: Nhà nước thực hiện các hành vi can thiệp vào kinh tế, trong đó có hoạt động khuyến khích đầu tư phải nhằm thoả mãn các mục tiêu cơ bản về kinh tế, chính trị và xã hội theo định hướng XHCN như văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã đề ra.¹

Nguyên tắc thứ tư: Nhà nước có thể can thiệp vào hoạt động khuyến khích đầu tư bằng nhiều công cụ và biện pháp khác nhau (chẳng hạn như công cụ pháp luật, các chính sách và hệ thống chương trình, kế hoạch định hướng...) nhưng các biện pháp và công cụ này không được gây cản trở cho quá trình tự do hoá thương mại quốc tế trong mà Việt Nam đã tham gia hoặc cam kết sẽ tham gia, cũng như không cản trở quyền tự do kinh doanh của các chủ thể tham gia giao dịch thương mại ngân hàng.

Nguyên tắc thứ năm: Tiêu chí xác định giới hạn hợp lý cho hành vi can thiệp của Nhà nước vào hoạt động khuyến khích đầu tư là hậu quả của sự can thiệp đó phải là cho kinh tế tăng trưởng bền vững; hệ thống doanh nghiệp hoạt động ổn định và có hiệu quả; các chủ thể kinh tế thoả mãn được lợi ích của mình khi giao dịch với đối tác; nền kinh tế và đời sống xã hội không gặp phải các rắc rối và những biến động bất lợi; xu hướng hội nhập quốc tế không bị cản trở và ngày càng được thúc đẩy.

1.2.1.3. Chính sách khuyến khích đầu tư

Xuất phát từ nền tảng tư tưởng là những nguyên tắc cơ bản nêu trên, giới hạn can thiệp hợp lý của Nhà nước đối với các biện pháp khuyến khích đầu tư trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam, có thể được xác định theo những nội dung (phương thức) cơ bản sau đây:

Một là, Nhà nước can thiệp vào hoạt động khuyến khích đầu tư bằng việc *xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh* làm cơ sở pháp lý an toàn và hiệu quả cho

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, “Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX”, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

việc xác lập và thực hiện khuyến khích đầu tư của các tổ chức, doanh nghiệp.

Hai là, Nhà nước can thiệp vào hoạt động khuyến khích đầu tư thông qua việc hoạch định và thực hiện các *chương trình, kế hoạch định hướng* có liên quan đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

Ba là, Nhà nước can thiệp vào hoạt động khuyến khích đầu tư thông qua các *chính sách kinh tế vĩ mô* như chính sách tiền tệ quốc gia, chính sách điều hành lãi suất tín dụng, chính sách thuế khoá, chính sách ngoại hối đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng...

Bốn là, Nhà nước can thiệp vào hoạt động khuyến khích đầu tư trong nền kinh tế thông qua việc thành lập và trực tiếp điều hành các ngân hàng thương mại Nhà nước.

1.2.2. Nội dung pháp luật các biện pháp ưu đãi, khuyến khích theo Luật đầu tư

1.2.2.1. Các quy định về các ngành nghề ưu đãi theo Luật Đầu tư

Ngành nghề ưu đãi đầu tư (Quy định tại khoản 1, Điều 16 Luật đầu tư 2014)

Đó là ngành nghề mà Việt Nam có thế mạnh, có tiềm năng chưa được khai thác hoặc ngành mà Việt Nam chưa đủ trình độ khoa học để phát triển. Các nhà đầu tư khi đầu tư vào các lĩnh vực đó sẽ được hưởng ưu đãi. Chính phủ quy định cụ thể danh mục khuyến khích đầu tư nhằm phát triển một số ngành nghề, sản phẩm quan trọng. Căn cứ vào danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư, có thể chia thành 3 lĩnh vực chủ yếu:

- Thứ nhất, Công nghiệp và xây dựng.
- Thứ hai, lĩnh vực nông- lâm- ngư.
- Thứ ba, lĩnh vực dịch vụ

1.2.2.2. Các quy định về địa bàn khuyến khích theo Luật Đầu tư

Địa bàn khuyến khích đầu tư (Quy định tại Khoản 2, điều 16 Luật đầu tư 2014)

a) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Theo quy định của Luật đầu tư thì có 49 tỉnh, thành phố là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và 33 thành phố, tỉnh thành có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Các nhà đầu tư khi đầu tư vào các địa bàn này sẽ được hưởng các chính sách ưu đãi đặc biệt về thuế, miễn giảm tiền thuê đất...

b) Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

1.2.2.3. Các quy định về hình thức và đối tượng áp dụng ưu đãi theo luật đầu tư

Hình thức và đối tượng áp dụng ưu đãi đầu tư (Quy định tại điều 15 Luật đầu tư 2014)

Ngành nghề ưu đãi đầu tư (Quy định tại khoản 1, Điều 16 Luật đầu tư 2014).

1.2.3. Các biện pháp khuyến khích khác theo luật đầu tư

Ngoài việc bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho các nhà đầu tư, khuyến khích đầu tư, Luật đầu tư còn quy định về hỗ trợ đầu tư. Đây cũng được coi như là biện pháp khuyến khích đầu tư mà nhà nước Việt Nam quy định cho các nhà đầu tư.

Theo quy định của Luật đầu tư, việc hỗ trợ đầu tư bao gồm các biện pháp:

a. Các hình thức hỗ trợ đầu tư (Quy định tại điều 19 Luật đầu tư 2014)

b. Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (Quy định tại điều 20 Luật đầu tư 2014)

1.3. Yếu tố liên quan trong khuyến khích đầu tư

1.3.1. Yếu tố kinh tế vĩ mô

1.3.1.1. Chiến lược thu hút vốn để phát triển kinh tế – xã hội của quốc gia

Chiến lược thu hút vốn để phát triển kinh tế của một quốc gia nói chung và của quốc gia đối với vùng kinh tế nói riêng là nhân tố có ý nghĩa quyết định đến việc thu hút vốn vào địa phương.

1.3.1.2. Độ mở cửa kinh tế quốc tế của quốc gia tiếp nhận

Với xu thế toàn cầu hóa, mức độ phụ thuộc lẫn nhau ngày càng lớn các quốc gia hoạt động trong môi trường mở và cũng không có quốc gia nào cô lập khép kín lại phát triển tốt được. Hợp tác cùng tồn tại và phát triển là xu thế tất yếu của các quốc gia trên thế giới ngày nay.

1.3.1.3. Sự ổn định môi trường kinh tế vĩ mô

Ổn định môi trường kinh tế vĩ mô như ổn định về kinh tế, chính trị, xã hội là điều kiện hết sức quan trọng để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Các nhà đầu tư nước ngoài sẽ rất hạn chế khi tham gia đầu tư vào những nước có môi trường kinh tế vĩ mô kém ổn định vì khi đầu tư vào những nơi này sẽ tạo ra những rủi ro kinh doanh mà các nhà đầu tư không thể lường trước được.

1.3.1.4. Hệ thống pháp luật của nước tiếp nhận vốn đầu tư

Hệ thống pháp luật của nước sở tại bao gồm các luật liên quan đến hoạt động đầu tư như Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường... và các văn bản hướng dẫn luật, các quy định về hoạt động đầu tư đối với người nước ngoài, các văn bản về quản lý Nhà nước trong hoạt động đầu tư...

1.3.2. Nhân tố nội tại của địa phương tiếp nhận vốn đầu tư

1.3.2.1. Sự phát triển cơ sở hạ tầng tại địa phương

Sự phát triển cơ sở hạ tầng là một điều kiện vật chất hàng đầu để các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vốn đầu tư. Cơ sở hạ tầng bao gồm mạng lưới giao thông, mạng lưới thông tin liên lạc, hệ thống cung cấp năng lượng, cấp thoát nước, các công trình công cộng phục vụ sản xuất kinh doanh như cảng biển, sân bay,... cơ sở hạ tầng tốt là một trong các yếu tố quan trọng giúp các nhà đầu tư nước ngoài giảm các chi phí gián tiếp trong sản xuất kinh doanh và có thể triển khai các hoạt động đầu tư.

1.3.2.2. Lợi thế so sánh của địa phương

Địa phương muốn phát triển kinh tế cần có nhiều yếu tố và điều kiện khác nhau, ngoài các yếu tố về cơ sở hạ tầng được xây dựng cần có thêm các điều kiện khác như: vị trí địa lý thuận lợi, địa chất nơi đó ổn định, quy mô thị trường rộng lớn, nguồn nhân lực dồi dào, giá nhân công rẻ, nguồn tài nguyên phong phú...

1.3.2.3. Chất lượng nguồn nhân lực tại địa phương

Một trong những yếu tố xã hội quan trọng của thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào địa phương là chất lượng nguồn nhân lực và giá cả sức lao động. Đây là một trong những yếu tố rất cần thiết để các nhà đầu tư lập kế hoạch kinh

doanh. Một nhà đầu tư muốn mở một nhà máy thì trên phương diện nguồn nhân lực nhà đầu tư sẽ chọn khu vực có thể đáp ứng được cả về số lượng và chất lượng của lao động, ngoài ra giá cả sức lao động là một trong những chỉ tiêu đánh giá của các nhà đầu tư.

1.3.2.4 Thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư tại địa phương

Thủ tục hành chính là một yếu tố rất quan trọng góp phần tạo nên sự thành công của việc thu hút vốn đầu tư. Thủ tục hành chính càng đơn giản, gọn nhẹ, rõ ràng thì sức hút của môi trường đầu tư đối với các nhà đầu tư nước ngoài càng lớn.

1.3.2.5. Năng lực và tư tưởng nhận thức của lãnh đạo, hoạt động của cơ quan xúc tiến tại địa phương

Tư tưởng nhận thức, thái độ của lãnh đạo các địa phương cũng là yếu tố tác động mạnh đến thu hút vốn đầu tư vào địa phương đó. Nếu lãnh đạo của địa phương thấy được vai trò của vốn đầu tư thì sẽ có những ưu tiên, tạo môi trường điều kiện thuận lợi, chủ động trong việc tìm đối tác đầu tư nước ngoài phù hợp để thu hút được các nguồn vốn đầu tư về với địa phương của mình.

1.3.3. Nhân tố liên quan đến các nhà đầu tư nước ngoài

1.3.3.1 Môi trường kinh tế thế giới

Do đặc tính của đầu tư là hết sức nhạy cảm với các biến động của môi trường kinh tế quốc tế, đây là nhân tố khách quan tác động đến các dòng vốn đầu tư nước ngoài vào các nước.

1.3.3.2 Hướng dịch chuyển của dòng vốn đầu tư quốc tế

Đây là nhân tố bên ngoài có ý nghĩa quyết định đến khả năng thu hút vốn đầu tư của quốc gia nói chung và địa phương nói riêng. Mức độ tăng, giảm của việc thu hút vốn đầu tư chịu sự chi phối của xu hướng vận động của các dòng vốn FDI trên thế giới.

1.3.3.3 Chiến lược đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài

Các nước muốn thu hút được vốn FDI thì ngoài yếu tố hoàn thiện về môi trường đầu tư, về các chính sách đối ngoại, về hoạt động xúc tiến... còn phải quan tâm đến chiến lược của các nhà đầu tư nước ngoài. Trên thế giới hiện nay bị chi phối nhiều bởi các nhà đầu tư lớn đó chính là MNCs, TNCs và nhà đầu tư đến từ các nước phát triển như Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ...

1.3.3.4 Tiềm lực tài chính, năng lực kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài.

– Tiềm lực tài chính của các nhà đầu tư nước ngoài.

Tiềm lực tài chính của các nhà đầu tư nước ngoài là một trong những yếu tố quyết định đến khả năng thực hiện các hoạt động đầu tư của họ, với việc các quốc gia tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi và có nhiều cơ hội để kinh doanh nhưng nếu không có khả năng tài chính thì các nhà đầu tư nước ngoài cũng không thể thực hiện đầu tư được.

1.4. Pháp luật về các biện pháp khuyến khích Đầu tư tại một số nước trong khu vực Đông Nam Á

Chính sách đầu tư của Philippines

Những ưu đãi đặc thù cho DN FDI của Thái Lan”

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH THEO LUẬT ĐẦU TƯ QUA THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH

2.1. Thực trạng pháp luật về các biện pháp khuyến khích Đầu tư tại Việt Nam

Nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa của việc xác định giới hạn can thiệp hợp lý từ phía Nhà nước đối với hoạt động khuyến khích đầu tư nói riêng trong bối cảnh nền kinh tế hiện đại, nên hiện tại Nhà nước chỉ can thiệp ở tầm vĩ mô và bằng các biện pháp vĩ mô đối với hoạt động kinh tế nói chung và khuyến khích đầu tư nói riêng; còn những hoạt động mang tính vi mô, vốn dĩ là công việc của các chủ thể kinh tế (ở đây ngụ ý các doanh nghiệp) thì để cho họ tự quyết định và tự chịu trách nhiệm, nhất là trách nhiệm kinh tế theo sự dẫn dắt của các quy luật thị trường. Thực hiện các hành vi can thiệp vào hoạt động kinh tế, trong đó có hoạt động khuyến khích đầu tư, phải xuất phát từ hoàn cảnh đặc thù của Việt Nam, có tính đến yêu cầu hội nhập quốc tế trong giai đoạn đương đại. Mọi hành vi sao chép một cách máy móc các mô hình quản lý của nước ngoài mà không tính đến hoàn cảnh và điều kiện đặc thù của Việt Nam sẽ là không thích hợp và thậm chí còn có thể gây ra những hậu quả vô cùng bất lợi cho nền kinh tế và xã hội.

Luật Đầu tư năm 2014 (LĐT 2014) được Quốc hội thông qua ngày 26-11-2014 thay thế Luật Đầu tư năm 2005 (LĐT 2005). So với LĐT 2005, LĐT 2014 có tinh thần mở hơn, phạm vi điều chỉnh rõ ràng hơn. Cụ thể về các biện pháp khuyến khích ưu đãi đầu tư như:

Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư thực hiện tại khu công nghiệp, khu chế xuất được miễn giảm thuế.

Nhà đầu tư đầu tư vào các dự án thuộc các lĩnh vực khuyến khích đầu tư hoặc đầu tư vào địa bàn được khuyến khích đầu tư sẽ được hưởng một số ưu đãi liên quan đến việc sử dụng đất như: Giá thuê đất, thời hạn thuê đất.

Trong thời gian tạm ngừng xây dựng cơ bản hoặc tạm ngừng sản xuất kinh doanh nếu doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng một phần diện tích được thuê vào sản xuất kinh doanh thì được giảm 50% tiền thuê đất phải nộp đối với diện tích đất sử dụng.

_ Nộp tiền thuê đất một lần cho nhiều năm sẽ được giảm tiền thuê đất theo tỉ lệ lũy tiến; Đối với việc sử dụng mặt nước, mặt biển, Chính phủ Việt Nam cũng ban hành những khung giá tương đối ổn định và có những ưu đãi cụ thể, đặc biệt là với những dự án thuộc đối tượng đặc biệt khuyến khích đầu tư hoặc khuyến khích đầu tư.

Chính phủ Việt Nam đã và đang thay đổi những quy định liên quan đến đầu tư, kinh doanh mà theo đó sẽ tạo môi trường đầu tư thông thoáng hơn, đặc biệt là giảm bớt các rào cản về hành chính tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào Việt Nam. Tạo ra đầu mối duy nhất để các nhà đầu tư nước ngoài có thể liên hệ để xin cấp phép đầu tư. Đầu mối này ở một số tỉnh có thể là sở kế hoạch đầu tư, có nhiệm vụ tham mưu, tư vấn cho ủy ban nhân dân tất cả

các vấn đề liên quan đến đầu tư nước ngoài và thay mặt ủy ban nhân dân nhận cũng như trả lời về việc cấp phép đầu tư.

Tuy vậy thực trạng vẫn còn một sự lưỡng lự giữa mong muốn thu hút đầu tư nước ngoài và bảo hộ đầu tư trong nước, giữa quyền quản lý của Nhà nước và quyền tự do đầu tư của nhà đầu tư vì thế ảnh hưởng trực tiếp đến các biện pháp khuyến khích theo luật đầu tư.

Luật thừa nhận cơ chế quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án lớn theo điều 30, 31 và 32 của luật đầu tư 2014 như nhà máy điện hạt nhân, chuyển mục đích vườn quốc gia... dự án sẽ phải xin chấp thuận chủ trương đầu tư từ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc UBND cấp tỉnh. luật đầu tư 2014 đã thừa nhận chính thức thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư - hiện nay chỉ áp dụng không chính thức đối với một số dự án. Dù những dự án phải xin chủ trương đầu tư là những dự án lớn và đặc biệt, tuy nhiên, việc thừa nhận thủ tục phải xin chấp thuận chủ trương đầu tư có thể phát sinh hệ lụy. Thứ nhất là trong bối cảnh Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp sửa đổi mới được ban hành và chưa có thực tế áp dụng, sự can thiệp của các cơ quan cấp phép có thể tạo môi trường thuận lợi cho việc áp dụng tràn lan thủ tục xin chủ trương đầu tư. Khi đó, có nguy cơ nhiều dự án không thuộc diện xin chủ trương đầu tư cũng bị bắt buộc phải xin chủ trương đầu tư trong thực tế. Ngoài ra, thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư có thể tạo cơ hội cho những nhà đầu tư không đủ năng lực “xí phần” dự án thông qua việc “chạy” chấp thuận chủ trương đầu tư.

Chưa giải quyết triệt để bài toán về tư cách của nhà đầu tư nước ngoài. Nhà đầu tư nước ngoài hiện nay được xác định theo tiêu chí chính là quốc tịch, ai không có quốc tịch Việt Nam thì đó là nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, có quan điểm khác lại xác định nhà đầu tư nước ngoài theo vốn, tức là, chỉ cần doanh nghiệp tại Việt Nam có vốn đầu tư từ nước ngoài thì doanh nghiệp đó cũng bị xem là nhà đầu tư nước ngoài. Đáng lẽ nên chọn phương án thứ nhất, tức là xác định nhà đầu tư nước ngoài theo quốc tịch thì LĐT 2014 lại chọn phương án trung dung.

Luật chia nhà đầu tư nước ngoài thành ba nhóm: (i) nhà đầu tư có quốc tịch nước ngoài; (ii) doanh nghiệp Việt Nam có 51% vốn nước ngoài; và (iii) doanh nghiệp Việt Nam có dưới 51% vốn nước ngoài. Nhóm (i) và (ii) bị áp dụng các điều kiện như nhà đầu tư nước ngoài (từ ngành nghề đầu tư đến thủ tục đầu tư...) còn nhóm (iii) được áp dụng các thủ tục và điều kiện như doanh nghiệp trong nước. Sẽ khó chấp nhận sự phân biệt ấy khi một doanh nghiệp có 51% vốn nước ngoài và một doanh nghiệp có 50,9% vốn nước ngoài lại áp dụng hai thủ tục đầu tư khác nhau.

Bất hợp lý khác là ngay cả khi doanh nghiệp có 51% vốn nước ngoài (tạm gọi là F1) thành lập một doanh nghiệp mới (tạm gọi là F2) tại Việt Nam, doanh nghiệp F2 đó cũng vẫn phải áp dụng các điều kiện và thủ tục như nhà đầu tư nước ngoài. Điều này là phân biệt đối xử giữa chính doanh nghiệp Việt Nam, vì về mặt quốc tịch, cả doanh nghiệp F1 và F2 đều là pháp nhân mang quốc tịch Việt Nam, không lý do gì để coi doanh nghiệp F2 cũng như nhà đầu tư nước ngoài. Thêm nữa, nếu xét về tỷ lệ vốn, vốn nước ngoài trong doanh nghiệp F2 có thể rất thấp. Ví dụ nếu vốn nước ngoài trong doanh nghiệp F1 là 52% và doanh nghiệp F1 nắm 55% vốn

điều lệ của doanh nghiệp F2, như vậy, tỷ lệ vốn nước ngoài trong doanh nghiệp F2 chỉ là 28,6% (52% x 55%). Chỉ với 28,6% vốn nước ngoài mà doanh nghiệp F2 vẫn phải tuân theo các điều kiện đầu tư và thủ tục đầu tư như quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài là khó thuyết phục.

2.2. Thực tiễn tại tỉnh Quảng Bình

2.2.1. Khái quát về tình hình kinh tế tỉnh Quảng Bình

Quảng Bình (các tên gọi cũ khu vực này gồm: *Bố Chính, Tân Bình, Lâm Bình, Tiên Bình, Tây Bình*) là một tỉnh duyên hải thuộc vùng Bắc Trung Bộ Việt Nam. Quảng Bình nằm ở nơi hẹp nhất theo chiều Đông - Tây của dải đất hình chữ S của Việt Nam (50 km theo đường ngắn nhất tính từ biên giới Lào ra biển Đông).^[2] Tỉnh này giáp Hà Tĩnh về phía bắc với dãy Hoành Sơn là ranh giới tự nhiên; giáp Quảng Trị về phía nam; giáp Biên Đông về phía đông; phía tây là tỉnh Khăm Muộn và tây nam là tỉnh Savannakhet của Lào với dãy Trường Sơn là biên giới tự nhiên.

Dự ước tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh năm 2017 (theo giá so sánh năm 2010) tăng 6,7% so cùng kỳ năm 2016, vượt kế hoạch đề ra, đây là mức tăng trưởng khá cao trong điều kiện tỉnh còn gặp nhiều khó khăn. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,9%, đóng góp 1,1 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,7%, đóng góp 2,2 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,3%, đóng góp 3,3 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 3%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung.

2.2.2. Thực tiễn các biện pháp khuyến khích và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh

Trong thời gian Luật đầu tư 2014 có hiệu lực, tỉnh Quảng Bình cũng đã ban hành Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 03/4/2014 quy định về các chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh, cụ thể việc áp dụng như sau:

Ưu đãi về thuế và đất đai

Hỗ trợ giải phóng mặt bằng

Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, kỹ thuật ngoài hàng rào dự án ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế.

Hỗ trợ kinh phí đào tạo lao động

Ngoài các quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11, đối với các dự án trọng điểm, có tính đột phá phát triển kinh tế, xã hội, tỉnh sẽ có chính sách ưu đãi đặc biệt riêng.

Điều chỉnh, bổ sung ưu đãi đầu tư đối với trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, nếu nhà đầu tư đáp ứng điều kiện để được hưởng thêm ưu đãi đầu tư thì nhà đầu tư đó có quyền đề nghị cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh, bổ sung ưu đãi đầu tư tại Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp.

Có thể thấy Quảng Bình là một trong các tỉnh chú trọng thực hiện các biện pháp khuyến khích đầu tư và có nhiều chính sách mang tính đột phá. Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 đã một lần nữa quy định cụ thể hơn về các biện pháp khuyến khích đầu tư và ưu đãi đầu tư, như sau:

Ưu đãi về thuế và đất đai, doanh nghiệp được hưởng mức ưu đãi cao nhất đối với từng loại ưu đãi đầu tư được áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình nhưng chưa được giải phóng mặt bằng và có tổng vốn đầu tư (không bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) từ 10 tỷ đồng trở lên.

Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, kỹ thuật ngoài hàng rào dự án đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình chưa được Nhà nước đầu tư hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào dự án, gồm: Giao thông, cấp điện, cấp thoát nước và có tổng vốn đầu tư (không bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) từ 10 tỷ đồng trở lên.

Hỗ trợ đầu tư đối với doanh nghiệp đầu tư cơ sở lưu trú du lịch đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, đầu tư mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ và được cơ quan có thẩm quyền công nhận hạng sao.

Hỗ trợ đầu tư đối với doanh nghiệp đầu tư cơ sở kinh doanh nhà hàng ăn uống đối với cơ sở kinh doanh nhà hàng ăn uống được cơ quan có thẩm quyền cấp biển hiệu; dịch vụ đạt chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.

Hỗ trợ đầu tư đường bay mới đối với doanh nghiệp được cấp phép hoạt động kinh doanh vận chuyển hàng không theo quy định. Mỗi đường bay mới đến Cảng hàng không Đồng Hới chỉ được hỗ trợ một lần.

Hỗ trợ đường bay đối với đường bay nội địa: Hỗ trợ tối đa 05 tỷ đồng/đường bay mới đối với doanh nghiệp cam kết mở và khai thác đường bay mới đến Cảng hàng không Đồng Hới với tần suất tối thiểu 03 chuyến/tuần hoặc 12 chuyến/tháng, thời gian khai thác tối thiểu là 01 năm. **Đối với đường bay quốc tế:** Hỗ trợ tối đa 10 tỷ đồng/đường bay mới đối với doanh nghiệp cam kết mở và khai thác đường bay mới đến Cảng hàng không Đồng Hới với tần suất tối thiểu 02 chuyến/tuần hoặc 08 chuyến/tháng, thời gian khai thác tối thiểu là 01 năm.

Hỗ trợ văn phòng làm việc đối với doanh nghiệp mở đường bay mới đến Cảng hàng không Đồng Hới được hỗ trợ 01 văn phòng làm việc tại địa điểm phù hợp do tỉnh bố trí.

Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá đường bay mới (trong vòng 06 tháng kể từ khi bắt đầu khai thác đường bay mới).

Các **hỗ trợ khác** Tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan chức năng làm đầu mối để kết nối các doanh nghiệp dịch vụ du lịch, xây dựng giá ưu đãi cho các chương trình tham quan sử dụng đường bay, nhằm giảm giá buồng, phòng và các dịch vụ khác cho các hành khách của đường bay, tạo ra những điều kiện thuận lợi nhất cho việc duy trì và phát triển đường bay.

Đối với hỗ trợ khởi nghiệp, sáng tạo áp dụng với doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Hỗ trợ tối đa 03 triệu đồng/doanh nghiệp bao gồm: Lệ phí đăng ký doanh nghiệp; phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; phí khắc dấu doanh nghiệp; kinh phí làm biển hiệu cho các doanh

nghiệp; hỗ trợ tiền nộp lệ phí môn bài trong năm đầu tiên kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

2.2.3. Những kết quả đạt được và các khó khăn, vướng mắc, hạn chế chủ yếu trong thực hiện các biện pháp khuyến khích đầu tư trong hoạt động đầu tư

UBND tỉnh Quảng Bình cam kết tạo điều kiện cho các nhà đầu tư được hưởng mọi ưu đãi mức tối đa theo quy định hiện hành của Nhà nước CHXHCN Việt Nam. UBND tỉnh Quảng Bình đặc biệt khuyến khích các dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp điện, công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, lĩnh vực du lịch; sản xuất chế biến hàng xuất khẩu, nuôi trồng thủy sản, khai thác khoáng sản; thủ công mỹ nghệ và vận tải biển...

Khối lượng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2017 ước thực hiện 16.753,8 tỷ đồng, tăng 11,1% so với năm 2016. Trong đó, khối lượng vốn khu vực Nhà nước ước thực hiện 3.696,9 tỷ đồng, tăng 8,4% so với năm 2016; khối lượng vốn khu vực ngoài nhà nước ước thực hiện 13.056,9 tỷ đồng, tăng 11,9% so với năm 2016.

Mặc dù đã đạt được một số thành tích đáng ghi nhận nhưng việc thực hiện luật đầu tư và các biện pháp khuyến khích, ưu đãi theo luật đầu tư vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc ở địa phương như nhiều quy định về đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014 không thống nhất, chông chéo với Luật Bảo vệ môi trường; Luật Đất đai; Luật Bất động sản và một số văn bản quy phạm pháp luật khác.

1. Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 thì quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường là căn cứ để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định chủ trương đầu tư dự án; trong khi đó, thủ tục, hồ sơ yêu cầu quyết định chủ trương đầu tư tại Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2014 lại không yêu cầu cung cấp báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Chính vì sự không thống nhất này, thời gian qua có hai cách hiểu và áp dụng khác nhau:

ý kiến thứ nhất, xét về quy định thủ tục hành chính, luật chuyên ngành về đầu tư, thì việc cấp GCNĐKĐT theo Luật Đầu tư năm 2014 tạo điều kiện thuận lợi, giảm thiệt hại, rủi ro về tài chính cho nhà đầu tư vì nếu thành phần hồ sơ cấp GCNĐKĐT có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền thì nhà đầu tư phải mất rất nhiều thời gian, công sức, tiền của để có báo cáo tác động môi trường, song không phải nhà đầu tư nào cũng nhận được quyết định chủ trương đầu tư (chấp thuận đầu tư). Với ý kiến này, việc yêu cầu phê duyệt báo cáo tác động môi trường trước khi quyết định chủ trương đầu tư tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 là không hợp lý.

ý kiến thứ hai, tuy việc bổ sung quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền vào thành phần hồ sơ cấp GCNĐKĐT gây bất lợi cho nhà đầu tư khi dự án không được chấp thuận, song nhiều dự án đầu tư hiện nay gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Do vậy đề lường trước tác động của dự án đầu tư với môi trường cần thiết phải bổ sung quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền vào thành phần hồ sơ cấp GCNĐKĐT và đề phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. Với ý kiến này, Luật Đầu tư năm 2014 không phù hợp, thiếu tính thống

nhất với quy định tại Khoản 2 Điều Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

Hiện nay, vị trí đặt các dự án hầu hết do nhà đầu tư đề xuất; do vậy, nếu các dự án đặt ở vị trí đúng với vùng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trước đó thì việc chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất phù hợp với Điều 52 Luật Đất đai năm 2013. Song, đối với các dự án đặt ở vị trí không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sẽ gây khó khăn cho cơ quan quản lý về đất đai, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án đầu tư do phải cho điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Theo Điều 45 Luật Đầu tư năm 2014 và Khoản 2, Khoản 3 Điều 37 Nghị định 118 thì đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư cấp tỉnh (như Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế, khu công nghiệp cấp tỉnh) thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ chuyển nhượng để điều chỉnh GCNĐKĐT hoặc trình UBND cấp tỉnh đối với trường hợp điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư. Tuy nhiên, theo Điều 50, Điều 51 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014 và Điểm a Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ thì đối với dự án bất động sản (đô thị mới, phát triển nhà ở), Sở Xây dựng là cơ quan được UBND tỉnh giao nhiệm vụ thực hiện việc chuyển nhượng. Đây là một bất cập cần sửa đổi, bổ sung kịp thời, tránh chồng chéo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan Nhà nước có chức năng quản lý về đầu tư.

Trong những năm qua, tỉnh Quảng Bình luôn chú trọng đến công tác hỗ trợ, ưu đãi đầu tư. Để tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong quá trình đầu tư sản xuất, kinh doanh trên địa bàn, ngoài việc ban hành kế hoạch, chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm, tỉnh cũng đã ban hành hệ thống các văn bản về chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư trên các lĩnh vực. Tuy nhiên, trong các chính sách đó vẫn còn tồn tại một số bất cập, vướng mắc như: Trùng lặp, thiếu thống nhất với nhau, thiếu cụ thể gây khó khăn cho các tổ chức, cá nhân trong quá trình tìm hiểu, áp dụng, cụ thể những quy định trùng lặp, chồng chéo từ hướng dẫn của trung ương đến văn bản địa phương. Cụ thể, nhiều doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh Quảng Bình phấn khởi khi địa bàn hoạt động và lĩnh vực ngành nghề kinh doanh thuộc nhóm được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định 118/2015/NĐ-CP (NĐ118). Nhưng họ lại hụt hẫng khi Thông tư 83/2016/TT-BTC (TT83) hướng dẫn thực hiện ưu đãi được Bộ Tài chính ban hành, hướng dẫn thực hiện ưu đãi theo Luật Đầu tư nhưng lại căn cứ vào các điều khoản của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đã được ban hành trước đó vài năm. Dường như đang có sự không rõ ràng của cơ quan soạn thảo trong ban hành các văn bản về hướng dẫn thực hiện ưu đãi đầu tư. Theo TT83 những dự án đầu tư mới đáp ứng điều kiện về lĩnh vực ưu đãi thuế TNDN theo quy định của Luật Thuế TNDN, hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư quy định tại phụ lục II của NĐ118 được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo mức tương ứng đối với lĩnh vực, địa bàn. TT83 còn ghi rõ chỉ những DN thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao mới được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

Trên địa bàn tỉnh Quảng Bình việc hướng dẫn thực hiện Thông tư 83/2016/TT-BTC vẫn còn nhiều bất cập khiến việc triển khai cực kỳ khó khăn. Bên cạnh đó, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND về việc ban

hành Quy định một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và Hội đồng Nhân dân tỉnh ra Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 18/07/2017 ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh có nhiều quy định thiếu đồng bộ, chồng chéo giữa quy định chung và quy định đặc thù khiến việc thực hiện còn nhiều bất cập, hiện tại các cơ quan chức năng vẫn chưa hệ thống hoá được các quy định để áp dụng với thực tế, trong quá trình tìm hiểu và áp dụng các văn bản liên quan đến chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư trong các lĩnh vực của tỉnh, cần tạo sự thống nhất trong hệ thống các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư của tỉnh, thiết nghĩ UBND tỉnh Quảng Bình cần chỉ đạo các sở, ban, ngành rà soát tổng thể các chính sách để xây dựng một văn bản quy định chung nhất về các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư của tỉnh như: Quyết định số 23/2009/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 về việc phân cấp thẩm định và phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình) các công trình xây dựng từ nguồn vốn ngân sách; Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 09/5/2012 về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 21/2007/QĐ-UBND ngày 17/9/2007 về việc ban hành Quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư áp dụng tại tỉnh Quảng Bình.

Trên cơ sở văn bản này, cần phải yêu cầu các sở, ban, ngành thực hiện rà soát trong phạm vi lĩnh vực, ngành mình phụ trách để tham mưu xây dựng các văn bản về chính sách mang tính đặc thù của lĩnh vực, tránh trường hợp quy định lại các chính sách gây khó khăn cho các tổ chức, cá nhân trong quá trình áp dụng văn bản. Bên cạnh đó, các sở, ban, ngành cũng cần tăng cường sự phối hợp với nhau trong quá trình xây dựng các văn bản, chính sách; nâng cao chất lượng công tác soạn thảo, góp ý văn bản quy phạm pháp luật, huy động sự tham gia của các chuyên gia và các tổ chức, cá nhân vào quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là tổ chức lấy ý kiến các doanh nghiệp đối với các chính sách liên quan đến doanh nghiệp.

Kết luận chương 2

Nghiên cứu pháp luật đầu tư ở một số nước trên thế giới cho thấy căn cứ vào nội dung đạo luật của các nước, có thể chia hệ thống pháp luật về đầu tư của các nước thành 3 nhóm: Thứ nhất, nhóm các nước có một đạo luật điều chỉnh toàn diện các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư (Canada, Indonexia, Đức và Việt Nam); Thứ hai, nhóm các nước có một hoặc một số đạo luật khuyến khích vào bảo hộ đầu tư (Hàn Quốc, Malaysia, Philippine...); Thứ ba, nhóm các nước không có đạo luật riêng biệt về đầu tư nhưng có chính sách khuyến khích nhà đầu tư tham gia vào hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế (Nhật, Anh, Hoa Kỳ, Thái Lan...). Để có được cái nhìn so sánh với các quốc gia trong cùng khu vực, bài viết cung cấp thông tin về qui định pháp lý về ưu đãi đầu tư ở 2 quốc gia: Philippine và Thái Lan. Đây cũng là 2 quốc gia đại diện cho 2 nhóm tuy không có đạo luật điều chỉnh toàn diện các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư nhưng các chính sách ưu đãi đầu tư rất hấp dẫn. Thực trạng pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư hiện hành đã kế thừa nền tảng các quy định trước đây, đồng thời đã có sự bổ sung, hoàn thiện, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - chính trị - xã hội của đất nước, đảm bảo quyền và lợi ích của nhà đầu tư từ đó góp phần cải thiện môi trường đầu tư, thu hút đầu tư trong và ngoài nước, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của đất nước và đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Các biện pháp khuyến khích và bảo đảm đầu tư đã và đang thực sự trở thành công cụ pháp lý hữu hiệu trong việc tạo động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh cũng như bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhà đầu tư tại Việt Nam. Pháp luật đã quy định rõ việc nhà nước khuyến khích nhà đầu tư đưa vốn và công nghệ hiện đại vào những lĩnh vực, địa bàn được ưu tiên phát triển thông qua các chính sách về thuế, ngoại hối, sử dụng mặt đất, mặt nước v.v. Thực tiễn tại Tỉnh Quảng Bình cũng cho thấy quan điểm đúng đắn bằng các chính sách ưu đãi và hỗ trợ như về: thuế và đất đai, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, kỹ thuật ngoài hàng rào dự án ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, hỗ trợ kinh phí đào tạo lao động... Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng trên thực tế các quy định về khuyến khích và bảo đảm đầu tư vẫn bộc lộ những hạn chế nhất định như, quản lý nhà nước về đầu tư còn chưa minh bạch, rõ ràng, thủ tục hành chính còn phức tạp, lằng nhằng v.v. Những bất cập này đã và đang ảnh hưởng không nhỏ tới môi trường đầu tư nói chung và khả năng thu hút vốn đầu tư nói riêng, đòi hỏi cần có những định hướng và giải pháp hoàn thiện các biện pháp khuyến khích đầu tư theo luật đầu tư Việt Nam.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ THEO LUẬT ĐẦU TƯ VIỆT NAM

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật các biện pháp khuyến khích Đầu tư

3.1.1. Việc hoàn thiện pháp luật về các biện pháp khuyến khích Đầu tư nhằm bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư

Việc hoàn thiện về các biện pháp khuyến khích đầu tư nhằm đảm bảo quyền tự chủ đầu tư, kinh doanh được thực hiện một cách tốt nhất như lựa chọn lĩnh vực đầu tư, hình thức đầu tư, phương thức huy động vốn, địa bàn, quy mô đầu tư, đối tác đầu tư và thời hạn hoạt động của dự án. Đăng ký kinh doanh một hoặc nhiều ngành, nghề; thành lập doanh nghiệp theo quy định pháp luật; tự quyết định về hoạt động đầu tư, kinh doanh đã đăng ký.

Quyền tiếp cận, sử dụng nguồn lực đầu tư.

Quyền xuất khẩu, nhập khẩu, quảng cáo, tiếp thị, gia công và gia công lại liên quan đến hoạt động đầu tư.

Quyền mua ngoại tệ.

Quyền chuyển nhượng, điều chỉnh vốn hoặc dự án đầu tư.

Quyền chuyển nhượng, điều chỉnh vốn hoặc dự án đầu tư.

Các quyền khác của nhà đầu tư.

3.1.2. Việc hoàn thiện pháp luật về các biện pháp khuyến khích Đầu tư trong hoạt động đầu tư nhằm kích cầu sự phát triển nền kinh tế

Thực hiện công cuộc đổi mới, những năm qua, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật liên quan đến đầu tư như: Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật khuyến khích đầu tư trong nước, Luật doanh nghiệp, Luật doanh nghiệp nhà nước... tạo nên một khung pháp lý quan trọng điều chỉnh các hoạt động đầu tư phù hợp với đường lối, quan điểm của Đảng và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với yêu cầu hội nhập; tạo môi trường thuận lợi, hấp dẫn đối với các nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và thực thi pháp luật về các biện pháp khuyến khích theo luật đầu tư

3.2.1. Hoàn thiện các quy định về các biện pháp khuyến khích Đầu tư

Một là, hoàn thiện về điều kiện đầu tư kinh doanh, theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật Đầu tư năm 2014.

Hai là, hoàn thiện quy định về thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư nhằm tiếp nhận các biện pháp khuyến khích đầu tư.

3.2.2. Hoàn thiện một số chính sách để thực hiện các biện pháp khuyến khích đầu tư

Để tiếp thực hiện tốt các biện pháp khuyến khích đầu tư có một số giải pháp cần phải triển khai đồng bộ trong đó bao gồm: Hoàn thành việc xây dựng các văn bản hướng dẫn Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp để tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động đầu tư hoàn chỉnh trong thời gian đến; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư để rà soát, phân loại các dự án đầu tư. Đồng thời, tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình cấp phép và quản lý dự án đầu tư của các cơ quan cấp

GCNĐT để chấn chỉnh công tác cấp phép và quản lý sau cấp phép. Tiếp tục thực hiện các biện pháp thúc đẩy giải ngân, không cấp phép các dự án công nghệ lạc hậu, có tác động xấu tới môi trường; thẩm tra kỹ các dự án sử dụng nhiều đất, giao đất có điều kiện theo tiến độ dự án; cân nhắc về tỷ suất đầu tư/diện tích đất, kể cả đất khu công nghiệp. Tiến hành rà soát các dự án đã cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn cả nước để có hướng xử lý đối với từng loại dự án, đặc biệt với các dự án quy mô lớn, sử dụng nhiều đất đai bao gồm cả việc rút giấy phép nếu cần thiết; Nâng cao hiệu quả của công tác thực thi pháp luật, có chế tài xử phạt mạnh đối với các trường hợp vi phạm. Thường xuyên rà soát để đồng bộ hóa luật pháp. Đồng thời, tăng cường năng lực của bộ máy cơ quan quản lý; Thực hiện các chương trình Xúc tiến đầu tư theo đúng định hướng tại Quyết định 03/2014/QĐ-TTg ban hành Quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt động Xúc tiến đầu tư.

3.3. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và thực thi pháp luật về các biện pháp khuyến khích theo luật đầu tư đối với tỉnh Quảng Bình

3.3.1. Giải pháp nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư

Trước hết, cần đẩy mạnh hơn nữa công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân; đảm bảo tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các quy định pháp luật ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư đến với mọi cơ quan, tổ chức và các tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp, tập trung đối tượng là cán bộ, công chức nhà nước có liên quan (cán bộ Sở Kế hoạch – Đầu tư, Ban Quản lý các Khu Kinh tế, Cục Thuế, Sở Du lịch...), các nhà đầu tư, nhất là nhà đầu tư là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nội dung phổ biến là các quy định về hình thức và đối tượng áp dụng ưu đãi đầu tư; ngành, nghề ưu đãi đầu tư và địa bàn ưu đãi đầu tư; thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư; hình thức hỗ trợ đầu tư; một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư riêng của địa phương. Mở rộng hình thức phổ biến, tuyên truyền pháp luật ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư qua mạng xã hội, thư điện tử, kết hợp với các hội nghị xúc tiến đầu tư để nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư.

Thứ hai, Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư của các cơ quan nhà nước, nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi sai phạm, những biểu hiện ách tắc, những nhiễu, gây khó khăn cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định pháp luật, qua đó đề răn đe, giáo dục, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức nhà nước, củng cố niềm tin cho người dân và nhà đầu tư.

Thứ ba, Thực hiện công khai, minh bạch chính sách, pháp luật ưu đãi và hỗ trợ đầu tư, các chủ trương, dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh

3.3.2. Giải pháp nâng cao năng lực của cơ quan và cán bộ thực thi pháp luật ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư

Đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bố trí sử dụng cán bộ nhất là cán bộ làm công tác quản lý liên quan đến hướng dẫn, xử lý hồ sơ, thủ tục đầu tư, thủ tục ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.

Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đào tạo nghề và phát triển dịch vụ giới thiệu việc làm. Đẩy mạnh đào tạo đội ngũ cán bộ quản trị doanh nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đủ khả năng tiếp cận tiến bộ khoa học quản lý, công nghệ, thị trường để chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Chủ động bố trí, sắp xếp cán bộ có năng lực, có trách nhiệm trong hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ đầu tư, tiếp nhận, xử lý các thủ tục hành chính bảo đảm đúng tiến độ theo quy định, có chế tài khuyến khích đồng thời phát hiện và xử lý nghiêm những cán bộ, công chức có hành vi nhũng nhiễu, gây cản trở cho tổ chức, cá nhân khi thi hành công vụ.

3.3.3. Giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) mà trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, đất đai, thuế. Áp dụng linh hoạt các hình thức thu hút đầu tư để huy động các nguồn lực trong và ngoài nước. Chú trọng thu hút các dự án lớn, công nghệ cao làm động lực phát triển cho các khu vực. Tập trung vào các lĩnh vực: điện, lọc dầu, cảng biển, khách sạn, nhà hàng đạt chuẩn, khu vui chơi giải trí, sân golf, may mặc, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, chế biến nông, lâm nghiệp và thủy sản, các trung tâm thương mại, các khu đô thị mới...; địa bàn ưu tiên: Khu du lịch, Khu kinh tế Hòn La, Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Cha Lo, các khu công nghiệp, địa bàn nông thôn. Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ tư nhân đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn khó khăn.

Nhất quán trong cơ chế, chính sách thu hút đầu tư để tạo niềm tin cho các nhà đầu tư trong việc triển khai thực hiện dự án; xác định rõ trách nhiệm của nhà đầu tư và của các cơ quan quản lý nhà nước trong giải quyết thủ tục đầu tư, xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành nhất là trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị trong giải quyết thủ tục cho nhà đầu tư. Khuyến khích, thiết lập đường dây nóng để các doanh nghiệp/nhà đầu tư phản ánh những trường hợp cán bộ, công chức gây nhũng nhiễu, thiếu trách nhiệm trong quá trình xử lý hồ sơ dự án đầu tư.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với các dự án có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư, thuộc trường hợp được ưu đãi đầu tư. Kiên quyết đình chỉ đối với những dự án đã được cấp hoặc điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư mà không phù hợp với quy hoạch, quy trình, thủ tục... Đối với dự án có quy mô lớn, có tác động lớn về kinh tế, xã hội, thuộc trường hợp được ưu đãi đầu tư, cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư cần chú trọng xem xét, đánh giá về khả năng huy động vốn của nhà đầu tư, có các chế tài hoặc yêu cầu đặt cọc để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ triển khai dự án đúng tiến độ.

Kết luận chương 3

Để phát triển kinh tế, thu hút đầu tư và hội nhập kinh tế thế giới thành công, đòi hỏi phải có những định hướng và giải pháp hoàn thiện các biện pháp khuyến khích đầu tư phải hết sức có hiệu quả. Điều đó phụ thuộc cơ bản vào việc hoàn thiện pháp luật, xây dựng một cơ chế chính sách đồng bộ, phù hợp với yêu cầu của đất nước và các cam kết quốc tế. Việc hoàn thiện pháp luật đầu tư nói chung và pháp luật khuyến khích và bảo đảm đầu tư nói riêng phải được thực hiện một cách đồng bộ trên cơ sở kế thừa, phát triển những quy định pháp luật trước đó, đồng thời loại bỏ những hạn chế, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế. Thêm vào đó, cần tiếp thu, học hỏi có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, nghiên cứu, áp dụng vào thực tế để thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước. Trong quá trình hoàn thiện pháp luật về khuyến khích đầu tư, bên cạnh việc tập trung vào hoàn thiện từng biện pháp khuyến khích đầu tư cụ thể, cần chú ý nghiên cứu những giải pháp chung về pháp luật đầu tư như cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư.

KẾT LUẬN CHUNG

Vốn đầu tư đã và đang khẳng định được vai trò của nó trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Các biện pháp bảo đảm đầu tư góp phần không nhỏ tạo ra môi trường đầu tư bình ổn. Do có sự ổn định trong các quy định về các biện pháp bảo đảm đầu tư mà hầu như ở quốc gia nào các nhà đầu tư cũng có thể yên tâm đầu tư trong môi trường đầu tư không có sự xáo trộn, ít nhất là các vấn đề cơ bản liên quan đến những lợi ích trực tiếp của các nhà đầu tư. Tuy nhiên, để thu hút ngày càng lớn lượng đầu tư trong cũng như ngoài nước điều đó phụ thuộc cơ bản vào việc hoàn thiện pháp luật, xây dựng một cơ chế chính sách đồng bộ, phù hợp với yêu cầu của đất nước và các cam kết quốc tế. Việc hoàn thiện pháp luật đầu tư nói chung và pháp luật về các biện pháp khuyến khích đầu tư nói riêng phải được thực hiện một cách đồng bộ trên cơ sở kế thừa, phát triển những quy định pháp luật trước đó, đồng thời phải loại bỏ những hạn chế, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của Việt Nam.